

Bản án số: 53/2024/HSST
Ngày 29/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa pL tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phương Lan
- Ông Nguyễn Hà Giang.

- **Thư ký pL tòa:** Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia pL tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST-HS ngày 31/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HS ngày 15/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H sinh năm 1982; nơi sinh xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 14, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị L; vợ Cù Thị Th và có 03 con. Tiền án không; tiền sự không. Bị cáo đang bị áp Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn T sinh năm 1986; nơi sinh xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 5, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 01/8/2024; con ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị H; vợ Nguyễn Thị H và có 02 con. Tiền án không; tiền sự không. Lịch sử bản thân năm 2021 bị Chủ tịch UBND xã K xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo đang bị áp Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bị hại: Chị Vũ Thị L sinh năm 1972; địa chỉ xóm 14, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1989; địa chỉ xóm 14, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Anh Phạm Văn Q1 sinh năm 1994; địa chỉ xóm 4, xã 1, huyện 2, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay tổ 7, Quá Giáng 2, xã 1, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Phạm Văn Q2 sinh năm 1989; địa chỉ xóm 10, xã 1, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Phạm Văn Q3 sinh năm 1981; địa chỉ xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pL tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H và chị L đều ở tại xóm 14, xã K, nên H biết ở trong vườn nhà chị L có trồng 01 cây Khế chua kiểu dáng uốn bonsai. Tối ngày 06/12/2023 H thấy gia đình chị L không có ai ở nhà, nên nảy sinh ý định trộm cắp cây khế này. Khoảng 21 giờ ngày 06/12/2023 H sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A20s lắp sim số 0986755309 gọi cho T theo số điện thoại 0902336887 lắp trên điện thoại Iphone 11 Promax, để rủ T trộm cắp cây khế, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35K1-467.33 cầm theo 01 dây chằng đi đến nhà H. Khi đến nơi T dựng xe mô tô trước cổng nhà H rồi cùng với H đi bộ đến nhà chị L. Lúc này cổng nhà chị L đang khoá, T dùng tay nhấc một bên cánh cổng ra khỏi bản lề để sang một bên, rồi cả hai người đi vào trong vườn đến vị trí trồng cây khế. T lấy 01 chiếc xẻng có sẵn ở nhà chị L, cùng H đào cây khế lên, rồi dùng dây chằng mang theo buộc vào cây khế, dùng chiếc xẻng làm thanh đòn kLg cây khế ra ngoài đặt lên xe mô tô biển kiểm soát 35K1-467.33, T chở cây khế về nhà T trồng lên chậu xi măng có sẵn.

Ngày 07/12/2024 H gọi điện bằng mạng Zalo rao bán cây khế với anh Q1, anh Q1 đồng ý mua với giá 13.800.000 đồng. Do anh Q1 không có ở nhà nên bảo H chở cây khế đến nhà anh trai của mình là anh Q2 ở xóm 10, xã Chát Bình, huyện Kim Sơn. Chiều tối ngày 12/12/2023 H thuê anh Q là người lái xe ô tô tải biển kiểm soát 35H-005.48 để chở cây khế trộm cắp được từ nhà T đến vườn cây cảnh nhà anh Q2.

Ngày 15/12/2023 anh Q1 chuyển khoản đến số tài khoản 2207198268888 Ngân hàng MBBank mang tên Phạm Văn H tổng số tiền là 13.800.000 đồng. Sau khi nhận tiền H chia cho T 6.500.000 đồng, trả tiền xe cho anh Q là 250.000 đồng; còn lại 7.050.000 đồng H chiếm hưởng.

Sau khi phát hiện bị mất cây khế chị L đã tự đi tìm. Ngày 17/4/2024 khi đang đi xem cây cảnh tại vườn nhà anh Q2, chị L phát hiện thấy cây khế của mình nên đã trình báo Công an xã K. Quá trình làm việc anh Q2 khai nhận được anh Q1 nhờ giữ hộ cây khế mua của H và giao nộp lại cây khế kèm theo chậu xi măng đang trồng cây khế. Tiến hành làm việc với H và T, H và T khai nhận đã trộm cắp cây khế của chị L.

Kết luận định giá tài sản số 10/KLĐG ngày 15/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: Giá trị của 01 cây khế chua cảnh có kiểu dáng uốn Bonsai, 05 tay cành, có vạnh gốc là 50 cm, chiều cao từ gốc lên

đến ngọn là 110 cm, tán cây có kích thước (150 x 110) cm, cây trồng được khoảng 15 năm tuổi vào thời điểm ngày 06/12/2023 là 15.000.000 đồng.

Cáo trạng số 52/CT-VKSYK ngày 31/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo H và T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại pL tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo H và T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo H từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Y nhận được Quyết định thi hành án của Tòa án.

Khấu trừ thu nhập hằng tháng của bị cáo H và bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo là 5% để sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã K; giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã K; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Samsung Galaxy A20 lắp sim số 0986755309; 01 điện thoại Iphone 11 Promax lắp sim số 0902336887; riêng các sim điện thoại thì tịch thu tiêu hủy. Tịch thu tiêu hủy 01 chậu cảnh.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo H và bị cáo T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại pL tòa các bị cáo H và T đều khai nhận đã lén lút vào nhà chị L lấy và chiếm đoạt của gia đình chị L 01 cây Khế, rồi bán cho anh Q1 với số tiền là 13.800.000 đồng. Nói lời sau cùng bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pL tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại pL tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của người bị hại, người liên quan về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 06/12/2023 tại nhà chị L ở xóm 14, xã K, huyện Y; H và T đã lén lút lấy và chiếm đoạt của gia đình chị L 01 cây Khế, với trị giá của cây Khế là 15.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo H và bị cáo T là trái pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự xã hội. Hành vi của bị cáo H và bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo H và bị cáo T về tội danh và điều khoản như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo H là người khởi xướng và rủ rê bị cáo T tham gia, nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo T giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[3] Về Q3 tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo H và T đều không có Q3 tiết tăng nặng. Về giảm nhẹ, cả hai bị cáo H và T đều “Tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo” theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những Q3 tiết nêu trên thấy rằng: Các bị cáo Hiện và T phạm tội ít nghiêm trọng; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, quá trình tố tụng thành khẩn khai báo thể hiện rõ sự ăn năn hối cải, tài sản các bị cáo chiếm đoạt là cây Khế; nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo và các giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục là phù hợp. Các bị cáo Hiện và T đều có 4 Q3 tiết giảm nhẹ, nên giảm nhẹ về hình phạt cho các bị cáo tương ứng với số Q3 tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi Q3 tiết mà mỗi bị cáo được hưởng.

Khấu trừ 05% thu nhập hằng tháng của bị cáo Hiện và bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ, để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị L đã được các bị cáo bồi thường cây khế là 13.800.000 đồng và được Cơ quan điều tra trả lại cây khế; anh Q1 đã nhận lại số tiền mua cây khế là 13.800.000 đồng. Chị L và anh Q1 không có yêu cầu gì thêm; nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm “01 điện thoại Samsung Galaxy A20 lắp sim số 0986755309; 01 Iphone 11 Promax lắp sim số 0902336887; 01 chậu cảnh; 01 cây Khế”.

- Cây Khế là tài sản của chị L, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L.

- Điện thoại Samsung Galaxy A20 lắp sim số 0986755309 và Iphone 11 Promax lắp sim số 0902336887; là tài sản của các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; nên tịch thu sung quỹ Nhà nước, riêng sim điện thoại thì tịch thu tiêu hủy.

- 01 chậu cảnh là tài sản của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, tài sản không còn giá trị, bị cáo Tương không yêu cầu trả lại nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Trong vụ án này anh Q1 đã mua cây khế của H, anh Q2 cho H để cây khế

tại nhà anh Q2, anh Q là người lái xe ô tô chở cây khế từ nhà T đến vườn cây cảnh nhà anh Q2; nhưng anh Q1, anh Q2, anh Q đều không biết tài sản do phạm tội mà có; nên hành vi của anh Q1, anh Q2, anh Q không có dấu hiệu tội phạm.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại pL tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo H và T bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H và Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Phạm Văn H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Y nhận được Quyết định thi hành án của Tòa án.

- Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Y nhận được Quyết định thi hành án của Tòa án.

Khấu trừ thu nhập hằng tháng của các bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Phạm Văn T trong thời gian cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo là 5% để sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Samsung Galaxy A20 lắp sim số 0986755309; 01 điện thoại Iphone 11 Promax lắp sim số 0902336887; riêng các sim điện thoại đang lắp trong 02 điện thoại thì tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chậu cây cảnh.

Vật chứng có đặc điểm Q3 trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Văn H và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người bị hại; người liên quan là anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan là anh Q1, anh Q2 và anh Q3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa pL tòa

Bùi Văn Lực